TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bản án số: 13/2018/DS-PT
Ngày 10/10/2018
V/v *tranh chấp quyền sử dụng đất*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cà Văn Pâng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Bà Nguyễn Thị Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 3/7/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2018/QĐ-PT ngày 10/9/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14/2018/QĐ-PT ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lò Văn P, sinh năm 1920; Địa chỉ: Đội A xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lò Văn T - sinh năm: 1966; Địa chỉ: Đội A1, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên. (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Giàng A S - sinh năm 1972; Địa chỉ: Đội A2, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lò Văn T - sinh năm: 1966; Địa chỉ: Đội A1, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3.2. Bà Lò Thị N - sinh năm: 1967; Địa chỉ: Đội A1, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3.3. Ông Lờ A T1 - sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên (có mặt).

3.4. Bà Hạng Thị S - sinh năm: 1974; Địa chỉ: Đội A2, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giàng A S - là bị đơn trong vụ án (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/1/2018) (có mặt)

4. Những người làm chứng:

- Ông Điêu Chính D - sinh năm: 1945; Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Ông Điêu Chính T2 - sinh năm: 1929; Địa chỉ: Đội A3, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Ông Sùng A D1 - sinh năm: 1962; Địa chỉ: Đội A2, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Ông Giàng A G - sinh năm: 1940; Địa chỉ: Đội A2, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Ông Hạng A C - sinh năm:1974; Địa chỉ: Thôn P; xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Các ông Thào A L - sinh 1971; Giàng Nủ P - sinh năm 1940; Giàng A T3 - sinh năm: 1968; Gàng A H - sinh năm 1976 (cùng trú tại thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên) .

- UBND xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện: Ông Hạng A C1 - Phó Chủ tịch UBND xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

***** Nguyên đơn ông Lò Văn P trình bày: Ông P có 02 thửa đất nương tại khu vực Y, Đội A2, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc đất là của bố mẹ vợ cho gia đình ông sử dụng từ năm 1970, đến năm 1985 ông cho con gái và con rể là Lò Thị N và Lò Văn T sử dụng 01 thửa, 01 thửa còn lại năm 1999 ông P được UBND huyện C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa 240 (1) nằm trong thửa 240, mảnh số 8, tờ bản đồ địa chính xã B, huyện C, diện tích 2000m^2. Năm 2017 khi ông Lò Văn T thuê máy xúc đào hào xung quanh thửa đất đang tranh chấp thì xảy ra tranh chấp với ông Giàng A S. Việc tranh chấp đã được UBND xã B hòa giải nhưng không thành. Ông P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Giàng A S phải trả lại thửa đất đang tranh chấp diện tích 2000m^2 cho gia đình ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/4/2018 nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về đòi lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 240 (1) và sửa đổi nội dung về diện tích đất là buộc bị đơn phải trả lại 3.795m^2 diện tích đất tranh chấp cho ông P.

* Bị đơn ông Giàng A S trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do bố của ông S (ông Giàng A G) khai hoang và sử dụng trồng lúa từ năm 1980, sau đó ông G cho ông Mào Văn O (bố vợ của Lò Văn P) mượn sử dụng làm nương 02 năm (1985-1986). Đến năm 1994 ông Giàng A S tiếp tục sử dụng, do đất bạc màu nên bỏ hoang một thời gian, đến năm 2013 ông Giàng A S, tiếp tục phát nương trồng lúa, đến tháng 7/2015 sau khi thu hoạch xong vụ lúa ông S tiếp tục sử dụng đất chuyển sang trồng rừng gồm 150 cây Bạch đàn và khoảng 100 cây keo.

Tháng 4/2016 ông S chuyển nhượng phần đất nương này cho ông Lờ A T1, đến năm 2017 thì ông Lò Văn T đến tranh chấp thửa đất với ông Giàng A S. Thửa đất đang tranh chấp hiện ông Giàng A S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giáp với thửa đất đang tranh chấp có 01 thửa đất nương của ông Lò Văn Ph do ông T là người trực tiếp sử dụng. Vào năm 2014 khi thấy các thửa đất nương giáp ranh xẩy ra cháy rừng nên ông Giàng A S có mượn thửa đất nương này của ông Lò Văn T cạnh đất nương của ông S để trồng lúa. Khi đó ông S có chia cho anh em làm cùng trên thửa đất mượn của ông T gồm Giàng A H và Hạnh A C, còn thửa đất nương của ông S, ông S vẫn tiếp tục sử dụng, do đất không tốt nên ông S chỉ mượn làm 01 vụ rồi trả lại cho ông T.

Đối với yêu cầu của ông Lò Văn P thì ông Giàng A S không đồng ý, vì nguồn gốc đất là do bố ông S khai hoang để lại, còn thửa đất mượn của ông T thì ông S đã trả lại ngay sau khi thu hoạch xong vụ lúa năm 2014.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T, bà Lò Thị N trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp là của ông Lò Văn P, ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa 240 (1), tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã B, huyện C. Thửa đất nương giáp ranh thửa đất đang tranh chấp mà gia đình ông T, bà N đang sử dụng là do ông P cho, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lờ A T1 trình bày:

Năm 2016 ông T1 có nhận chuyển nhượng đất nương của ông Giàng A S, khi đó trên đất có nhiều cây bạch đàn và cây keo cao khoảng 2m, do không có mục đích trồng rừng nên ông đã thuê người nhổ hết cây. Đến năm 2017 ông Lò Văn T đã đào hào xung quanh thửa đất và ông P đến tranh chấp với ông S. Ông T1 không đồng ý, cho rằng thửa đất này ông T1 đã nhận chuyển nhượng của ông S, đất tranh chấp này không thuộc thửa 240 (1) như bên ông P trình bày. Thực tế, thửa 240 (1) của ông P được cấp giấy chứng nhận, hiện tại ông Lò Văn T, bà Lò Thị N vẫn đang quản lý sử dụng và có phần giáp ranh với thửa đất đang tranh chấp giữa ông P với ông S. Nay ông T1 đề nghị ông P không được tranh chấp với ông S để ông T1 là thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông S.

Ngày 23/3/2018 và ngày 18/5/2018, Tòa án nhân dân huyện C phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã B tiến hành xem xét, thẩm định tại thực địa đối với thửa đất đang tranh chấp và thửa đất giáp ranh hiện tại ông T, bà N đang sử dụng. Kết quả xem xét tại chỗ xác định như sau:

- Trên thửa đất đang tranh chấp: Chỉ có cây bụi, cây cỏ, trên đất có nhiều gốc cây do bị chặt làm nương và có 01 cây bạch đàn dường kính 1,5 cm; cao 1,6m. Tứ cận thửa đất:

Phía Bắc: giáp thửa đất trồng rừng của ông Sùng A D1 có chiều dài 55m;

Phía đông: giáp rừng trồng của ông Thào A Lừ có chiều dài 74 m (giáp 2 thửa đất này có có hào rộng 01 mét, sâu 01 mét do ông T thuê đào);

Phía Nam: giáp đất nương của ông Điêu Chính T2 dài 60 m;

Phía Tây: giáp đường tỉnh lộ đi huyện G có chiều dài 58m.

Diện tích thửa đất là 3.975m^2; Ranh giới giáp ranh giữa các thửa đất trong khu vực có bờ cao, thấp rõ ràng dễ phân biệt giữa các thửa (bờ cao từ 30 cm đến 50 cm).

Xem xét trên sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ địa chính xã B, huyện C, thể hiện:

Thửa đất 240 được cấp cho 05 hộ gồm ông Lò Văn P thửa 240 (1), hộ ông Điêu Chính D thửa 240 (2), hộ ông Lò Văn H1 thửa 240 (3), hộ ông Lò Văn P1 240 (4), hộ ông Điêu Chính T2 thửa số 240 (5).

Thửa 240 có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc: Giáp thửa số 02;

Phía Tây và phía Nam: Giáp đường đi từ huyện C đi huyện G;

Phía Tây và phía Đông: Giáp thửa 263.

Theo kết quả xác minh ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, ý kiến của UBND xã B, xác định: Thửa đất số 02 thuộc mảnh số 8 là đất trồng rừng phòng hộ và đất nương rẫy do UBND xã quản lý và UBND xã chưa giao cho hộ gia đình nào quản lý sử dụng.

Theo công văn số: 78/CV-PTNMT ngày 27/4/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi Trường huyện C, trả lời Tòa án:

Nguyên tắc ghi số thứ tự thửa đất; số thứ tự thửa đất ghi bằng chữ Ả Rập theo dạng từ 01 cho đến thửa cuối cùng trong từng mảnh bản đồ theo số thứ tự liên tục từ trái sang phải, từ trên xuống dưới theo rạng zíc zắc bắt đầu từ góc Tây- Bắc.

Diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chênh lệch so với thực tế đo đạc ngoài thực địa là do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã B năm 1999 dự án đảo nợ thực hiện khoanh vẽ bằng phương pháp dốc đối diện, do vậy sẽ có sự chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực địa.

Tại văn bản số 73/CV-VPĐKQSDĐ ngày 29/5/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, về việc trả lời Tòa án nhân dân huyện C:

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 240 (1), mảnh bản đồ số 8, xã B đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 703632 cho hộ gia đình ông Lò Văn P. Hiện tại, tại thời điểm cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C không có hồ sơ lưu

trữ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nương rẫy số 240 (1) mảnh bản đồ số 8, xã B. Không có trích lục bản đồ địa chính đối với từng thửa đất cấp cho các hộ trong khu vực tranh chấp.

Những người làm chứng ông Giàng A G, ông Giàng Nủ P, ông Thào A L, ông Giàng A T3, đều khẳng định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do ông G khai hoang làm nương và để lại cho ông Giàng A S sử dụng.

Những người làm chứng ông Điêu Chính D, ông Điêu Chính T2 xác nhận có sự chứng kiến của ông Lò Văn P.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03/7/2018, Tòa án nhân dân huyện C, quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 136, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 134, 158 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn P về việc yêu cầu ông Giàng A S phải trả lại cho ông Lò Văn P, thửa đất đang tranh chấp có diện tích 3.975 m^2 tại khu vực Y, Đội 10, xã B, huyện C, có vị trí :

Phía Bắc: Giáp rừng trồng của ông Sùng A D1 có chiều dài 55 m;

Phía Đông: Giáp rừng trồng của ông Thào A L có chiều dài 74 m;

Phía Nam: Giáp đất nương của ông Điêu Chính T2 có chiều dài là 60 m;

Phía Tây: Giáp đường đi tỉnh lộ đi huyện G có chiều dài 59m.

2. Chi phí xem xét, thẩm đinh tại chỗ: Buộc ông Lò Văn P phải chịu 1.000.000 đồng (ông P đã nộp).

3. Về án phí: Ông Lò Văn P được miễn nộp tiền toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm có tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2018, ông Lò Văn P làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do ông P cho rằng đất của ông đã được UBND huyện C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999, tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 8 (bản đồ

địa chính xã B), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, không đảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật,

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Lò Văn P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng của của mình và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lò Văn P không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lò Văn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lò Văn P được gửi trong thời hạn. Ông P thuộc trường hợp người được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lò Văn T (có mặt); Bị đơn ông Giàng A S (có mặt); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lờ A T1 và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hạng Thị S (có mặt).

Những người làm chứng, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của các nhân chứng, tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt các nhân chứng.

Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên có ý kiến việc vắng mặt của các nhân chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2017, ông Lò Văn P khởi kiện yêu cầu ông Giàng A S phải trả cho ông P diện tích đất thực tế đang tranh là 3.975m^2, tại khu vực Y, Đội 10, xã B, huyện C. Vì ông P cho rằng phần diện tích đang tranh chấp này thuộc thửa đất số 240 (1), tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Tuy nhiên, theo nội dung của bản án sơ thẩm có nêu nội dung vụ án không đúng với nội dung nêu trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2017 của ông Lò Văn P. Vì nội dung của bản án sơ thẩm nêu ông P khai ông P có 02 thửa đất nương tại khu vực Y, Đội 10, xã B, huyện C. Đến năm 1985 ông P cho Lò Thị N và Lò Văn T sử dụng 01 thửa, còn 01 thửa năm 1999 ông Lò Văn P được UBND huyện C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa 240 (1) nằm trong thửa 240, mảnh số 8, tờ bản đồ địa chính xã B, huyện C, diện tích 2000m^2. Nội dung bản án sơ thẩm nêu ông P khai có 02 thửa đất nương chỉ dựa theo lời khai của ông T, bà N. Do đó, xét thấy trong vụ án này ông T, bà N không có yêu cầu độc lập đối với thửa đất hiện tại ông T, bà N đang quản lý sử dụng. Vì vậy, khi giải quyết vụ án cần xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn P chỉ yêu cầu ông Giàng A S phải trả lại cho ông 01 thửa đất tại tại khu vực Y, đội 10, xã B, huyện C, diện tích đất 2000m^2 thuộc thửa số 240 (1), tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã B, huyện C, để xem xét giải quyết.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Lò Văn P, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2018 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, cùng các cơ quan chuyên môn và UBND huyện C, đã xác định:

- Phần thửa đất đang tranh chấp trên thực địa thuộc khu khu vực Y, đội 10, xã B, huyện C, có diện tích là 3.975m^2. Vị trí tiếp giáp:

Phía Bắc: giáp rừng trồng của ông Sùng A D1 có chiều dài 55m;

Phía Đông: giáp rừng trồng của ông Thào A L có chiều dài 74 m;

Phía Nam: giáp đất nương của ông Điêu Chính T2 có chiều dài là 60 m;

Phía Tây: giáp đường đi huyện G có chiều dài 58m.

So sánh diện tích thực tế trên thực địa với diện tích đất ông P được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thực tế thừa 1.975m^2 .

- Phần thửa đất ông Lò Văn T, bà Lò Thị N đang sử dụng trên thực địa có diện tích 3.342m^2. Vị trí tiếp giáp:

Phía Bắc: giáp rừng trồng của ông Thào A L, dài 78m.

Phía Nam: giáp đất ông Điêu Chính D, dài 88 m.

Phía Tây: một phần giáp đất tranh chấp giữa ông P với ông S và một phần giáp đất ông Điêu Chính T2, dài 30m.

Phía Đông: giáp đất ông Mào Văn L1 nay ông Thào A C2 đang sử dụng), dài là 60 m.

So sánh diện tích thực tế trên thực địa với diện tích đất ông P được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay ông T, bà N đang sử dụng) thì diện tích thực tế thừa 1.342m^2 .

Như vậy, xét về diện tích đất thì cả thửa đất hiện đang tranh chấp và thửa đất hiện ông T, bà N đang sử dụng đều có diện tích thực tế trên thực địa thừa so với phần diện tích 2000m^2 đất của ông Lò Văn P được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số thửa 240 (1), tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã B, huyện C.

- Về vị trí thửa đất: căn cứ vào sổ Mục kê, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản địa chính tờ bản đồ số 8, xã B, huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00536/QSDĐ/H ngày 20/7/1999 của ông Lò Văn P) đối chiếu với vị trí, tứ cận giáp ranh của thửa đất đang tranh chấp với vị trí, tứ cận giáp ranh của thửa đất ông T, bà N đang sử dụng thì theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2018 và ngày 18/5/2018 được xác định trên thực địa, thấy rằng:

Phần diện tích 3.975m^2 đất đang tranh chấp được xác định trên thực địa, có vị trí nằm trong thửa đất số 02, giáp ranh với thửa đất 240, tờ bản đồ số 8, không thuộc vị trí của thửa đất số 240 (1) nằm trong thửa số 240, đã cấp cho ông Lò Văn P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ý kiến xác nhận của đại diên UBND xã B và cán bộ địa chính xã: Thửa đất số 02, mảnh số 8, bản đồ địa chính năm 1999, mục đích sử dụng là đất nương rẫy và đất trồng rừng phòng hộ do UBND xã B quản lý, UBND xã B chưa giao cho hộ gia đình nào quản lý sử dụng.

Thửa 240 được giao cho 5 hộ gia đình gồm: Hộ ông Lò Văn P thửa 240 (1); hộ ông Điêu Chính D thửa 240 (2); hộ ông Lò Văn H1 thửa 240(3); hộ ông Lò

Văn P2 thửa 240 (4); hộ ông Điêu Chính T2 thửa số 240 (5). Tứ cận của thửa đất 240:

Phía Bắc và phía Đông: Giáp thửa số 02 đất rừng;

Phía Tây: Giáp đường tỉnh lộ 129;

Phía Nam: Giáp thửa 263 đất nương.

Trong đó, thửa 240 (1) của ông Lò Văn P đã được UBND huyện C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay ông T, bà N đang sử dụng) có vị trí tứ cận giáp ranh trên thực địa:

Phía Bắc: Giáp đất trồng rừng của ông Thào A L đang trồng cây bạch đàn, dài 105m;

Phía Nam: Giáp thung lũng đất ông Điêu Chính D, dài 88m;

Phía Tây: Một phần giáp đất tranh chấp giữa ông P với ông S và một phần giáp đất ông Điêu Chính T2, dài 30m;

Phía Đông: Giáp đất ông Mào Văn L1 (nay ông Thào A C2 đang sử dụng trồng cây bạch đàn), dài 29m.

Vị trí tứ cận giáp ranh nêu trên đã được các bên đương sự, các nhân chứng có đất giáp ranh và cán bộ địa chính, UBND xã B xác nhận.

[2.3] Xét về nguồn gốc phần diện tích 3.975m^2 đất đang tranh chấp:

Do ông Giàng A G (bố của ông Giàng A S) khai hoang sử dụng từ năm 1980, sau đó ông G cho ông Mào Văn O (bố vợ của Lò Văn P) mượn sử dụng làm nương 02 năm (1985-1986). Do đất bạc màu nên bỏ hoang sau đó đến năm 1994 ông Giàng A S tiếp tục sử dụng và đến năm 2016 ông Giàng A S chuyển nhượng cho ông Lờ A T1, nhưng việc chuyển nhượng hai bên mới thỏa thuận bằng miệng chưa có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng phần diện tích đang đất tranh này về phía ông Giàng A S với ông Lờ A T1 đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này giữa Giàng A S với ông Lờ A T1 không có tranh chấp.

[2.4] Từ các căn cứ trên, xác định vị trí thửa đất số 240 (1), tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã B, diện tích thửa đất 2000m^2 tại khu vực Y, Đội 10, xã B, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lò Văn P.

Theo Biên bản, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2018, xác định vị trí thửa đất 240 (1) có tứ cận giáp ranh như sau:

Phía Bắc: giáp thửa đất trồng rừng của ông Thào A L, dài 105m;

Phía Đông: giáp đất trồng rừng của ông Mào Văn L1 (nay ông Thào A C2 đang sử dụng), dài 29 m;

Phía Nam: giáp đất của ông Điêu Chính D, dài 88m;

Phía Tây: Một phần giáp đất tranh chấp giữa ông P với ông S dài 30m;

Tổng diện tích thực tế trên thực địa là 3.342m^2.

Như vậy, căn cứ vào tứ cận liền kề phần diện tích 3.342 m^2 đất trên có căn cứ xác định phần diện tích đất ông T, bà N đang sử dụng là thuộc vị trí của thửa số 240 (1) được cấp cho ông Lò Văn P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00536/QSDĐ-H. Do đó, xét thấy vị trí phần diện tích 3.342 m^2 đất thuộc thửa số 240 (1) được cấp cho ông Lò Văn P, không thuộc vị trí phần diện tích 3.975m^2 đất đang tranh chấp.

Theo quy định tại Điều 105, Điều 107 của Luật đất đai năm 2003 quy định về quyền chung của người sử dụng đất và nghĩa vụ chung của người sử dụng đất thì phần diện tích 3.975m^2 đất đang tranh chấp thuộc thửa số 02 thuộc mảnh số 8 là đất trồng rừng phòng hộ và đất nương rẫy do UBND xã quản lý và UBND xã chưa giao cho hộ gia đình nào quản lý sử dụng, nên xét thấy ông Lò Văn P không có quyền quản lý sử dụng và không có quyền khởi kiện đối với phần diện tích đất này.

Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P là phù hợp. Bản án sơ thẩm của Tòa án dân huyện C, đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn P về việc ông P yêu cầu ông Giàng A S phải trả cho gia đình ông P phần diện tích 3.975m^2 đất tại vị trí hiện đang tranh chấp là có căn cứ. Nay cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lò Văn P. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Điện Biên.

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn P về việc ông Lò Văn P yêu cầu ông Giàng A S phải trả cho ông Lò Văn P phần diện tích 3.975m^2 đất đang tranh chấp tại khu vực Y, đội 10, xã B. Vị trí thửa đất:

Phía Bắc: Giáp rừng trồng của ông Sùng A D1, dài 55 m;

Phía Đông: Giáp rừng trồng của ông Thào A L, dài 74 m;

Phía Nam: Giáp đất nương của ông Điêu Chính T2, dài 60 m;

Phía Tây: Giáp đường đi huyện G, dài 59 m.

[2.2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lò Văn P thuộc trường hợp được miễn nộp, miễn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/10/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cà Văn Pâng